MÔ HÌNH TƯƠNG TÁC HỌC TẬP CÓ SỰ HỖ TRỢ CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG GIẢNG DẠY KỸ NĂNG VIẾT TIẾNG ANH: ĐỀ XUẤT VÀ THIẾT KẾ KIỂM CHỨNG TẠI KHOA NGOẠI NGỮ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG

Trương Hoàng Lan
Khoa Ngoại Ngữ, Đại học Phạm Văn Đồng
Email: thlan@pdu.edu.vn

***Tóm tắt**: Nghiên cứu đề xuất một mô hình tương tác học tập có sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy kỹ năng viết tiếng Anh cho sinh viên đại học. Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu về dạy viết theo quá trình, năng lực tiếp nhận phản hồi và phản hồi do trí tuệ nhân tạo tạo sinh cung cấp, bài viết xây dựng mô hình S-AI-P-T, kết nối bốn chủ thể: sinh viên, công cụ AI, sinh viên và giảng viên. Mô hình gồm sáu giai đoạn từ định hướng nhiệm vụ, viết bản nháp, nhận phản hồi từ AI, kiểm chứng với sinh viên, phản hồi chọn lọc của giảng viên đến chỉnh sửa và giải trình. Nghiên cứu đồng thời đề xuất thiết kế bán thực nghiệm trước - sau có nhóm đối chứng để kiểm chứng tác động của mô hình đối với kết quả viết, chất lượng chỉnh sửa và năng lực đánh giá phản hồi. Giá trị của mô hình nằm ở việc kết hợp khả năng phản hồi tức thời của AI với sự giám sát của con người, bảo đảm tính minh bạch, liêm chính học thuật và bảo vệ dữ liệu cá nhân.*

***Từ khóa:** trí tuệ nhân tạo tạo sinh; kỹ năng viết tiếng Anh; phản hồi học tập; tương tác người - AI; nghiên cứu bán thực nghiệm.*

AN AI-SUPPORTED LEARNING INTERACTION MODEL FOR TEACHING ENGLISH WRITING: A PROPOSAL AND VALIDATION DESIGN AT THE FACULTY OF FOREIGN LANGUAGES, PHAM VAN DONG UNIVERSITY

***Abstract:** This study proposes an AI-supported learning interaction model for teaching English writing to university students. Drawing on process-oriented writing pedagogy, student feedback literacy, and empirical research on generative AI feedback, the study develops the S-AI-P-T model, which connects four agents: students, AI tools, peers, and teachers. The model consists of six stages: task orientation, independent drafting, rubric-aligned AI feedback, peer-based verification, selective teacher feedback, and revision with written justification and reflection. A pretest-posttest quasi-experimental design with a comparison group is also proposed to validate the model's effects on writing performance, revision quality, and students' capacity to evaluate feedback. The model's main contribution is not the replacement of human feedback but the pedagogically controlled combination of AI immediacy with human judgment. Transparency, verification, academic integrity, human oversight, and personal data protection are incorporated as operational principles throughout the writing process.*

***Keywords**: generative artificial intelligence; English writing skills; learning feedback; human-AI interaction; quasi-experimental research.*

Nhận bài: 23/09/2026 *Phản biện: 25/10/2026* *Duyệt đăng: 28/10/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển nhanh của trí tuệ nhân tạo (AI) đang làm thay đổi cách người học tiếp cận thông tin và tạo lập văn bản. Trong giáo dục ngoại ngữ, các mô hình ngôn ngữ lớn có thể phản hồi tức thời về ngữ pháp, từ vựng, tính mạch lạc và cấu trúc bài viết. Tuy nhiên, hiệu quả giáo dục phụ thuộc vào thiết kế nhiệm vụ, phạm vi hỗ trợ và khả năng người học đánh giá, chuyển hóa phản hồi thành hành động chỉnh sửa. Đối với kỹ năng viết tiếng Anh, sinh viên không chỉ cần sử dụng ngôn ngữ chính xác mà còn phải phát triển nội dung, lập luận và tổ chức văn bản logic. Trong khi đó, việc cung cấp phản hồi cho nhiều bản nháp tạo áp lực thời gian đối với giảng viên. Vì vậy, AI có thể trở thành nguồn phản hồi bổ sung khi được tích hợp vào quy trình dạy viết có kiểm soát.

Các nghiên cứu gần đây ghi nhận tiềm năng của phản hồi AI trong cải thiện kỹ năng viết ngoại ngữ. Polakova và Ivenz (2024) cho thấy sự tiến bộ về tính súc tích, độ chính xác ngữ pháp và khả năng cung cấp thông tin; Guo và cộng sự (2024) ghi nhận việc tích hợp chatbot nâng cao chất lượng phản hồi đồng đẳng và năng lực viết; Li và cộng sự (2025) cung cấp bằng chứng về ảnh hưởng tích cực của GenAI đối với viết lập luận ở giáo dục đại học. Tuy nhiên, Alnemrat và cộng sự (2025) cho thấy khác biệt giữa hiệu quả phản hồi AI và giảng viên không có ý nghĩa thống kê, trong khi Zhang và cộng sự (2025) ghi nhận phản hồi kết hợp giữa AI và con người hỗ trợ tốt hơn về tổ chức, tư duy phản biện và thái độ học tập so với chỉ sử dụng AI. Những kết quả này cho thấy sự cần thiết của việc phối hợp các nguồn phản hồi theo chức năng sư phạm phù hợp.

Một hạn chế của các nghiên cứu hiện nay là thường tập trung vào sản phẩm cuối cùng mà chưa làm rõ quá trình người học tiếp nhận và sử dụng

phản hồi. Sự gia tăng điểm bài viết chưa đủ khẳng định năng lực viết độc lập được cải thiện nếu không xem xét bản nháp, câu lệnh, phản hồi và lý do chỉnh sửa. Việc sử dụng AI tạo toàn bộ văn bản còn đặt ra nguy cơ phụ thuộc công cụ, ảnh hưởng đến tính xác thực của đánh giá và trách nhiệm học thuật. Tại Việt Nam, Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15, Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 và Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia tạo cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng AI có trách nhiệm trong giáo dục đại học.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất mô hình tương tác học tập có sự hỗ trợ của AI trong giảng dạy kỹ năng viết tiếng Anh tại Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Phạm Văn Đồng, tập trung vào ba câu hỏi: (1) Mô hình cần được cấu trúc như thế nào để phối hợp sinh viên, AI, bạn học và giảng viên? (2) Công cụ và nguyên tắc nào giúp người học sử dụng phản hồi chủ động, minh bạch và có trách nhiệm? (3) Thiết kế bán thực nghiệm nào phù hợp để đánh giá kết quả viết, chất lượng chỉnh sửa và năng lực tiếp nhận phản hồi? Nghiên cứu hướng đến xây dựng mô hình có khả năng triển khai trong lớp học và khung kiểm chứng phân biệt sự cải thiện sản phẩm với sự phát triển năng lực viết độc lập.

II. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Dạy viết theo quá trình và năng lực tiếp nhận phản hồi

Quan điểm dạy viết theo quá trình xem viết là chuỗi hoạt động có tính lặp, gồm xác định mục đích, hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, viết bản nháp, tiếp nhận phản hồi, chỉnh sửa và phản tư. Theo đó, chất lượng sản phẩm cuối cùng không phải là chỉ báo duy nhất mà các quyết định chỉnh sửa giữa những bản nháp cũng phản ánh quá trình học tập. Vì vậy, AI cần hỗ trợ nhận diện vấn đề và gợi mở suy nghĩ thay vì tạo sản phẩm thay người học.

Carless và Boud (2018) xác định bốn thành tố của năng lực tiếp nhận phản hồi: hiểu giá trị phản hồi, hình thành phán đoán đánh giá, quản lý cảm xúc và thực hiện hành động. Trong môi trường AI, sinh viên cần đối chiếu nhận xét với rubric, nhận diện đề xuất không phù hợp, lựa chọn phương án và giải thích quyết định chỉnh sửa. Phản hồi chỉ tạo ra giá trị học tập khi người học chủ động đánh giá và chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng thông tin.

2.2. Phản hồi AI và yêu cầu phối hợp với con người

GenAI có ưu thế về phản hồi tức thời, tương tác nhiều lượt và điều chỉnh đầu ra theo câu lệnh. Trong dạy viết, AI có thể nhận diện lỗi, giải thích vấn đề, so sánh cách diễn đạt và đối chiếu bài viết với rubric. Tuy nhiên, công cụ cũng có thể đưa ra nhận xét chung chung, diễn giải sai mục đích, đề xuất từ vựng không phù hợp hoặc ưu tiên hình thức hơn chất lượng lập luận.

Guo và cộng sự (2024) cho thấy AI hỗ trợ nâng cao chất lượng phản hồi đồng đẳng khi nhiệm vụ và tiêu chí được xác định rõ; Zhang và cộng sự (2025) nhấn mạnh ưu thế của phản hồi kết hợp đối với các năng lực bậc cao. Trên cơ sở đó, mô hình phân công chức năng giữa các chủ thể: AI hỗ trợ phản hồi ban đầu và phát hiện vấn đề; bạn học tham gia đối thoại và kiểm chứng; giảng viên tập trung vào thể loại, lập luận, giọng văn và tính nguyên bản; sinh viên đánh giá, lựa chọn và quyết định chỉnh sửa. Sự phối hợp này bảo đảm AI không thay thế vai trò chuyên môn của giảng viên và quyền chủ động của người học.

2.3. Cơ sở pháp lý và đạo đức của mô hình

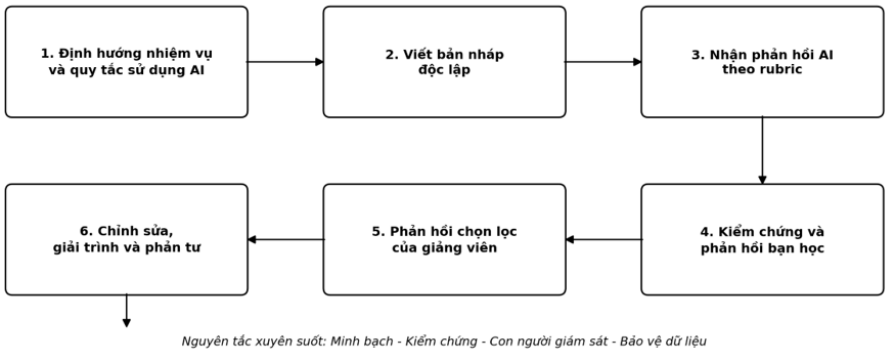
Việc sử dụng AI trong giáo dục đại học cần gắn với đổi mới đào tạo, quyền của người học và trách nhiệm của cơ sở giáo dục. Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15, Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 và Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia tạo cơ sở cho việc ứng dụng công nghệ, quản lý AI, bảo vệ dữ liệu và bảo đảm tính minh bạch, an toàn, công bằng, trách nhiệm giải trình và giám sát của con người.

Từ các căn cứ trên, mô hình tuân thủ năm nguyên tắc: (1) thông báo rõ phạm vi AI được phép hỗ trợ; (2) lưu và khai báo những tương tác ảnh hưởng đáng kể đến sản phẩm; (3) loại bỏ dữ liệu nhận dạng trước khi đưa bài viết vào AI; (4) không sử dụng phản hồi AI làm căn cứ duy nhất để cho điểm; và (5) duy trì quyền kiểm soát cuối cùng của giảng viên và sinh viên đối với nội dung, đánh giá và quyết định chỉnh sửa.

2.4. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Trên cơ sở lý thuyết và bằng chứng thực nghiệm, nghiên cứu đề xuất mô hình S-AI-P-T gồm bốn chủ thể: Student (sinh viên), AI (công cụ trí tuệ nhân tạo tạo sinh), Peer (bạn học) và Teacher (giảng viên). Các chủ thể tương tác theo trình tự nhằm bảo đảm mỗi nguồn phản hồi xuất hiện đúng thời điểm và thực hiện chức năng phù hợp.

Tính mới của mô hình thể hiện ở ba điểm: (1) yêu cầu sinh viên hoàn thành bản nháp độc lập trước khi sử dụng AI; (2) tổ chức kiểm chứng và giải trình việc tiếp nhận phản hồi; và (3) sử dụng bài viết chuyển giao không có AI để đánh giá năng lực viết thực chất. Mô hình kết hợp khả năng phản hồi tức thời của AI với sự đánh giá, giám sát của con người, đồng thời duy trì tính minh bạch và trách nhiệm học thuật.



Hình 1. Mô hình tương tác học tập S-AI-P-T trong giảng dạy kỹ năng viết tiếng Anh

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Cách tiếp cận nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo hướng nghiên cứu thiết kế, kết hợp tổng hợp các công trình thực nghiệm, phân tích văn bản pháp lý và xây dựng mô hình can thiệp. Nghiên cứu được lựa chọn phải liên quan trực tiếp đến phản hồi AI trong viết ngoại ngữ hoặc viết học thuật, mô tả rõ người tham gia và quy trình, đồng thời cung cấp bằng chứng về chất lượng bài viết, chất lượng phản hồi hoặc mức độ tiếp nhận phản hồi. Phân tích tập trung vào cơ chế tác động, giới hạn và điều kiện triển khai.

Trên cơ sở kết quả tổng hợp, các thành tố của mô hình được xây dựng theo logic căn chỉnh giữa mục tiêu, hoạt động, bằng chứng học tập và nguyên tắc đạo đức. Mỗi giai đoạn phải xác định rõ chủ thể chính, loại tương tác, sản phẩm bắt buộc và rủi ro cần kiểm soát. Sau khi hoàn thiện về mặt khái niệm, mô hình được thiết kế để kiểm chứng bằng nghiên cứu bán thực nghiệm tại Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Phạm Văn Đồng.

3.2. Thiết kế kiểm chứng bán thực nghiệm

Thiết kế đề xuất gồm nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, đo lường trước và sau can thiệp. Người tham gia dự kiến là 60-80 sinh viên thuộc hai lớp có trình độ tương đối tương đồng, đang học cùng một học phần viết tiếng Anh. Nhóm thực nghiệm áp dụng mô hình S-AI-P-T; nhóm đối chứng học theo quy trình dạy viết hiện hành, nhận phản hồi từ bạn học và giảng viên nhưng không sử dụng GenAI trong các chu trình can thiệp. Hai nhóm sử dụng cùng đề bài, rubric, thời lượng, tài liệu và giảng viên để hạn chế ảnh hưởng của biến nhiễu.

Can thiệp dự kiến kéo dài tám tuần. Tuần đầu dành cho khảo sát nền, bài viết trước can thiệp và hướng dẫn đạo đức nghiên cứu. Tuần thứ hai tập huấn về rubric, cách đặt câu lệnh, cách nhận diện phản hồi không đáng tin cậy và cách ghi nhật ký. Từ tuần thứ ba đến tuần thứ bảy, sinh viên thực hiện năm chu trình viết có cấu trúc. Tuần cuối tổ chức bài viết sau can thiệp, bảng hỏi và phỏng vấn. Bài viết trước và sau can thiệp được thực hiện trong điều kiện không sử dụng AI hoặc công cụ sửa lỗi tự động, qua đó đo khả năng chuyển giao năng lực.

3.3. Công cụ thu thập và phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng gồm điểm bài viết trước và sau can thiệp, điểm theo từng tiêu chí của rubric và kết quả bảng hỏi. Rubric gồm bốn cấu phần: hoàn thành nhiệm vụ và phát triển nội dung; tổ chức và liên kết; vốn từ; ngữ pháp và độ chính xác. Tất cả bài viết được hai giảng viên chấm độc lập sau khi hiệu chỉnh tiêu chí. Độ tin cậy giữa người chấm được đánh giá bằng hệ số tương quan nội nhóm. Khi các giả định thống kê được đáp ứng, ANCOVA được sử dụng với điểm sau can thiệp là biến phụ thuộc, nhóm là biến độc lập và điểm trước can thiệp là biến đồng biến; đồng thời báo cáo kích thước ảnh hưởng.

Dữ liệu quá trình gồm dàn ý, bản nháp đầu tiên, lịch sử câu lệnh, phản hồi AI, phiếu phản hồi bạn học, bản chỉnh sửa và nhật ký giải trình. Mỗi thay đổi được mã hóa theo bình diện nội dung, tổ chức, từ vựng, ngữ pháp và cơ học viết; sau đó phân loại thành chỉnh sửa chính xác và cần thiết, chính xác nhưng không cần thiết, không chính xác hoặc làm giảm chất lượng. Phỏng vấn bán cấu trúc được thực hiện với nhóm sinh viên có mức tiến bộ cao, trung bình và thấp để giải thích sự khác biệt trong cách sử dụng phản hồi.

3.4. Kiểm soát đạo đức và độ tin cậy

Người tham gia được thông báo về mục đích, quyền rút lui và cách dữ liệu được sử dụng. Thông tin nhận dạng không được nhập vào hệ thống AI; kết quả không được dùng gây bất lợi cho người không tham gia hoặc rút khỏi nghiên cứu. Câu lệnh được chuẩn hóa, sinh viên sử dụng cùng

phiên bản công cụ và người chấm không biết bài thuộc nhóm nào. Hồ sơ viết, bài kiểm tra chuyển giao, điểm số và phỏng vấn được đối chiếu để hạn chế kết luận chỉ dựa trên sản phẩm cuối cùng.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Các nguyên tắc cấu thành mô hình S-AI-P-T

Kết quả tổng hợp cho thấy mô hình AI trong dạy viết cần giải quyết đồng thời ba vấn đề: phân công chức năng giữa AI và con người; tạo bằng chứng về quá trình học; và kiểm soát rủi ro dữ liệu, liêm chính học thuật. Từ đó, mô hình S-AI-P-T được cấu thành bởi năm nguyên tắc.

Thứ nhất, lấy hoạt động viết độc lập làm điểm xuất phát. Sinh viên phải hình thành ý tưởng, lập dàn ý và hoàn thành bản nháp đầu tiên trước khi sử dụng AI. Quy định này tạo cơ sở phân biệt năng lực người học với đóng góp của công cụ, đồng thời bảo vệ quá trình tư duy ban đầu khỏi sự chi phối của văn bản do AI tạo ra.

Thứ hai, phản hồi AI phải được căn chỉnh với rubric. Câu lệnh không yêu cầu AI viết lại bài mà tập trung nhận xét theo từng tiêu chí, chỉ ra bằng chứng, giải thích vấn đề và đặt câu hỏi gợi mở. Việc căn chỉnh giúp hạn chế phản hồi lan man và hỗ trợ sinh viên đối chiếu nhận xét với mục tiêu học tập.

Thứ ba, mọi phản hồi phải trải qua kiểm chứng. Sinh viên đối chiếu phản hồi AI với rubric, tài liệu ngôn ngữ và ý kiến bạn học; phân loại thành chấp nhận, từ chối hoặc cần hỏi giảng viên. Hoạt động này chuyển trọng tâm từ tiếp nhận sang đánh giá phản hồi.

Thứ tư, giảng viên tập trung vào vấn đề bậc cao. Sau khi AI và bạn học hỗ trợ nhận diện lỗi bạn đầu, giảng viên ưu tiên mục đích giao tiếp, cấu trúc thể loại, lập luận, giọng văn, tính nguyên bản và những phản hồi còn mâu thuẫn. Cách phân công này giúp sử dụng thời gian hiệu quả mà vẫn duy trì vai trò chuyên môn của giảng viên.

Thứ năm, chỉnh sửa phải đi kèm giải trình. Bản cuối cùng được nộp cùng bảng ghi nhận những thay đổi quan trọng, nguồn phản hồi, quyết định và lý do chỉnh sửa của sinh viên. Hoạt động này giúp trách nhiệm học thuật trở thành nội dung có thể quan sát và đánh giá.

4.2. Quy trình sáu giai đoạn của mô hình

Giai đoạn 1: Định hướng nhiệm vụ và quy tắc sử dụng AI. Giảng viên giới thiệu mục tiêu, đặc trưng thể loại, rubric, phạm vi AI được phép hỗ trợ và những hành vi bị xem là viết thay. Sinh viên phân tích ví dụ phản hồi đúng, chưa đầy đủ và sai để nhận thức rằng đầu ra AI cần được đánh giá, không phải đáp án.

Giai đoạn 2: Viết bản nháp độc lập. Sinh viên phân tích đề, lập dàn ý và viết bản nháp trong thời gian xác định, lưu sản phẩm trước khi sử dụng AI. Giảng viên có thể cho phép tra cứu từ điển nhưng không cho phép công cụ tạo câu hoặc viết lại toàn đoạn.

Giai đoạn 3: Nhận phản hồi AI theo rubric. Sinh viên sử dụng bộ câu lệnh chuẩn để yêu cầu AI nhận diện điểm mạnh, vấn đề và câu hỏi gợi mở theo từng tiêu chí. AI không cung cấp bài viết thay thế; mọi đề xuất chỉnh sửa phải kèm giải thích hoặc chỉ rõ vị trí liên quan trong bản nháp.

Giai đoạn 4: Kiểm chứng và phản hồi bạn học. Sinh viên đánh dấu nhận xét AI, trao đổi theo cặp hoặc nhóm nhỏ, đối chiếu rubric và đưa ra quyết định sơ bộ. Phiếu kiểm chứng yêu cầu ghi nguồn căn cứ và lý do từ chối những đề xuất không phù hợp.

Giai đoạn 5: Phản hồi chọn lọc của giảng viên. Giảng viên xem xét những vấn đề sinh viên chưa chắc chắn, tập trung vào lập luận, tổ chức và tính phù hợp với mục tiêu. Phản hồi được thực hiện qua nhận xét mẫu, hội nghị viết ngắn hoặc giải thích chung các lỗi lặp lại.

Giai đoạn 6: Chỉnh sửa, giải trình và phản tư. Sinh viên hoàn thiện bài viết, nộp hồ sơ viết và trả lời ba câu hỏi: phản hồi nào có giá trị nhất; phản hồi nào bị từ chối và vì sao; ở nhiệm vụ tiếp theo sẽ thay đổi chiến lược viết hoặc sử dụng AI như thế nào.

4.3. Bộ công cụ triển khai mô hình

Để bảo đảm khả năng áp dụng thống nhất, nghiên cứu đề xuất bộ công cụ gồm: rubric bốn tiêu chí; bộ câu lệnh phản hồi theo thể loại; phiếu kiểm chứng phản hồi AI; phiếu phản hồi bạn học; nhật ký chỉnh sửa; mẫu khai báo sử dụng AI; hướng dẫn loại bỏ dữ liệu nhận dạng; và rubric đánh giá năng lực tiếp nhận phản hồi. Bộ câu lệnh mang tính định hướng, yêu cầu AI đóng vai người phản hồi, không viết lại bài, nhận xét theo rubric, chỉ rõ vị trí liên quan, giải thích lý do và đặt câu hỏi giúp sinh viên tự chỉnh sửa.

Phiếu kiểm chứng gồm bốn cột: nội dung phản hồi; bằng chứng trong bài; quyết định chấp nhận, từ chối hoặc cần hỏi; lý do và nguồn kiểm chứng. Mẫu khai báo sử dụng AI ghi tên công cụ, thời điểm, mục đích, câu lệnh quan trọng và mức độ ảnh hưởng đến sản phẩm. Các công cụ này giúp quá trình sử dụng AI có thể quan sát, phục vụ đánh giá quá trình và nghiên cứu thực nghiệm.

4.4. Khung kiểm chứng hiệu quả của mô hình

Hiệu quả của mô hình được kiểm chứng ở ba tầng. Tầng thứ nhất là sản phẩm, gồm điểm tổng và điểm thành phần của bài viết không có AI. Tầng thứ hai là quá trình, gồm số lượng và chất lượng chỉnh sửa, tỷ lệ phản hồi được chấp nhận có căn cứ, tỷ lệ từ chối đúng và mức độ thay đổi giữa các bản nháp. Tầng thứ ba là năng lực và thái độ, gồm khả năng nhận diện giới hạn AI, mức độ tự chủ, niềm tin có điều kiện, ý thức bảo vệ dữ liệu và trách nhiệm khai báo.

Giả thuyết chính là sau khi kiểm soát điểm ban đầu, nhóm thực nghiệm có kết quả sau can thiệp và tỷ lệ chỉnh sửa chính xác, có căn cứ cao hơn nhóm đối chứng. Tuy nhiên, tác động có thể khác nhau theo trình độ ngôn ngữ, năng lực viết câu lệnh, khả năng đánh giá và mức độ tham gia phản hồi bạn học. Vì vậy, cần kết hợp điểm số với hồ sơ quá trình và phỏng vấn, tránh xem chênh lệch trung bình là bằng chứng duy nhất.

4.5. Bàn luận về tính mới và khả năng ứng dụng

Mô hình S-AI-P-T kế thừa bằng chứng về lợi ích của phản hồi AI nhưng chuyển trọng tâm từ công cụ sang kiến trúc tương tác. So với mô hình AI-only, giảng viên vẫn đảm nhận phản hồi bậc cao; so với phản hồi đồng đẳng thông thường, AI hỗ trợ tạo nhận xét cụ thể, kịp thời; so với thiết kế chỉ đo điểm trước - sau, hồ sơ viết và bài kiểm tra chuyển giao giúp giải thích cơ chế tiến bộ và xác định khả năng viết độc lập khi không sử dụng AI.

Điểm mới tiếp theo là tích hợp các yêu cầu pháp lý và đạo đức vào hoạt động lớp học thông qua ẩn danh bài viết, lưu lịch sử câu lệnh, duy trì giám sát của giảng viên và sử dụng nhật ký chỉnh sửa để bảo đảm minh bạch, bảo vệ dữ liệu và trách nhiệm giải trình.

Tại Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Phạm Văn Đồng, mô hình có thể thí điểm trong một học phần viết với thể loại và công cụ AI xác định. Việc triển khai chủ yếu điều chỉnh quy trình phản hồi, hồ sơ đánh giá và hướng dẫn sử dụng AI, đồng thời cần bảo đảm quyền tiếp cận công cụ tương đối công bằng, hỗ trợ sinh viên hạn chế năng lực số và quy định rõ hoạt động được phép.

Mô hình còn những giới hạn: câu lệnh chuẩn hóa có thể hạn chế sự đa dạng chiến lược; chất lượng đầu ra thay đổi theo phiên bản công cụ; lưu lịch sử tương tác làm tăng yêu cầu bảo mật; và kết quả tại một khoa hoặc một thể loại không thể tự động khái quát cho bối cảnh khác. Những giới hạn này cần được kiểm soát trong thí điểm và phản ánh trung thực khi diễn giải kết quả.

V. KẾT LUẬN

Thứ nhất, AI có tiềm năng mở rộng cơ hội phản hồi trong giảng dạy viết tiếng Anh, nhưng hiệu quả sư phạm phụ thuộc vào khả năng người học đánh giá và sử dụng phản hồi. Mô hình S-AI-P-T tổ chức tương tác giữa sinh viên, AI, bạn học và giảng viên, trong đó sinh viên giữ quyền quyết định và chịu trách nhiệm đối với sản phẩm cuối cùng.

Thứ hai, mô hình gồm sáu giai đoạn: định hướng nhiệm vụ và quy tắc sử dụng AI; viết bản nháp độc lập; nhận phản hồi AI theo rubric; kiểm chứng và phản hồi bạn học; phản hồi chọn lọc của giảng viên; chỉnh sửa, giải trình và phản tư. Ba cấu phần quan trọng là bản nháp trước AI, phiếu kiểm chứng phản hồi và bài viết chuyển giao không sử dụng AI.

Thứ ba, mô hình cụ thể hóa các yêu cầu pháp lý và đạo đức thành hoạt động lớp học, gồm ẩn danh dữ liệu, khai báo sử dụng AI, lưu hồ sơ tương tác, duy trì giám sát của con người và không sử dụng phản hồi AI làm căn cứ duy nhất để đánh giá sinh viên.

Thứ tư, thiết kế bán thực nghiệm trước - sau có nhóm đối chứng được đề xuất để kiểm chứng kết quả viết, chất lượng chỉnh sửa và năng lực tiếp nhận phản hồi. Nghiên cứu tiếp theo cần triển khai mô hình với dữ liệu thực tại Khoa Ngoại ngữ, hiệu chỉnh công cụ đo lường, đánh giá độ tin cậy giữa người chấm và theo dõi khả năng duy trì năng lực trước khi kết luận về hiệu quả của mô hình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Alnemrat, A., Aldamen, H., Almashour, M., Al-Deaibes, M., & AlSharefeen, R. (2025). AI vs. teacher feedback on EFL argumentative writing: A quantitative study. Frontiers in Education, 10, 1614673. https://doi.org/10.3389/feduc.2025.1614673

Bộ Khoa học và Công nghệ. (2026). Thông tư số 05/2026/TT-BKHCN ban hành Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia.

Carless, D., & Boud, D. (2018). The development of student feedback literacy: Enabling uptake of feedback. Assessment & Evaluation in Higher Education, 43(8), 1315-1325. https://doi.org/10.1080/02602938.2018.1463354

Guo, K., Pan, M., Li, Y., & Lai, C. (2024). Effects of an AI-supported approach to peer feedback on university EFL students' feedback quality and writing ability. The Internet and Higher Education, 63, 100962. https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2024.100962

Li, H., Wang, Y., Luo, S., & Huang, C. (2025). The influence of GenAI on the effectiveness of argumentative writing in higher education: Evidence from a quasi-experimental study in China. Journal of Asian Public Policy, 18(2), 405-430. https://doi.org/10.1080/17516234.2024.2363128

Polakova, P., & Ivenz, P. (2024). The impact of ChatGPT feedback on the development of EFL students' writing skills. Cogent Education, 11(1), 2410101. https://doi.org/10.1080/2331186X.2024.2410101

Quốc hội. (2025a). Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật số 91/2025/QH15.

Quốc hội. (2025b). Luật Giáo dục đại học, Luật số 125/2025/QH15.

Quốc hội. (2025c). Luật Trí tuệ nhân tạo, Luật số 134/2025/QH15.

Zhang, Z., Aubrey, S., Huang, X., & Chiu, T. K. F. (2025). The role of generative AI and hybrid feedback in improving L2 writing skills: A comparative study. Innovation in Language Learning and Teaching. Advance online publication. https://doi.org/10.1080/17501229.2025.2503890